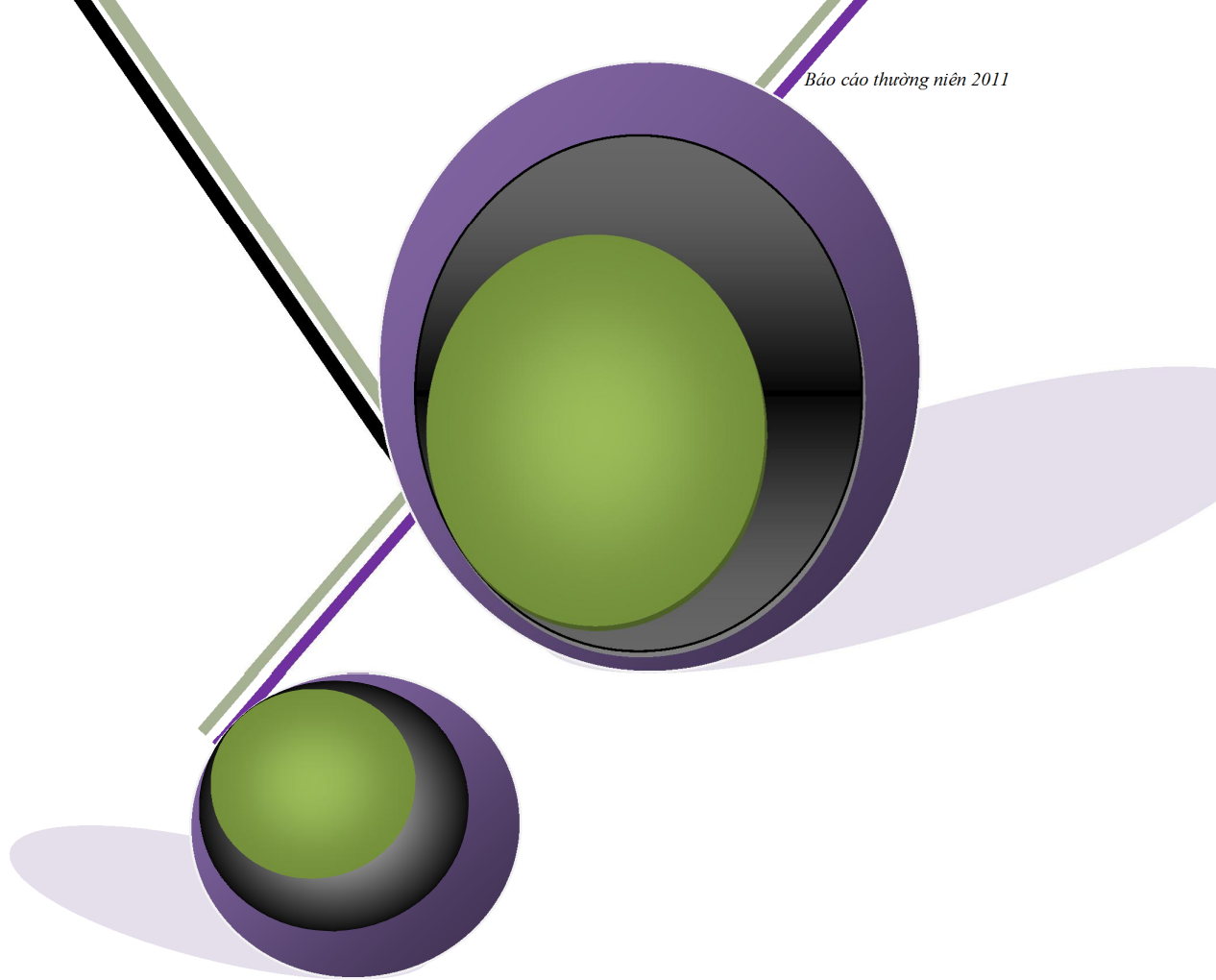
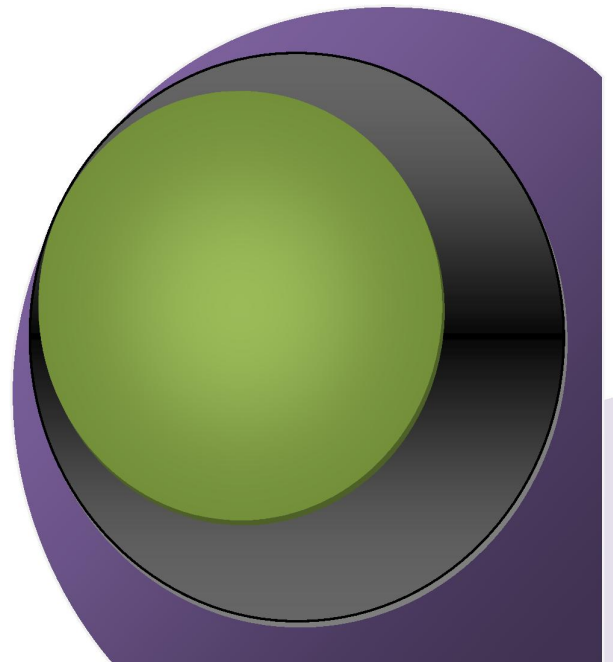




BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2011
CDBECO



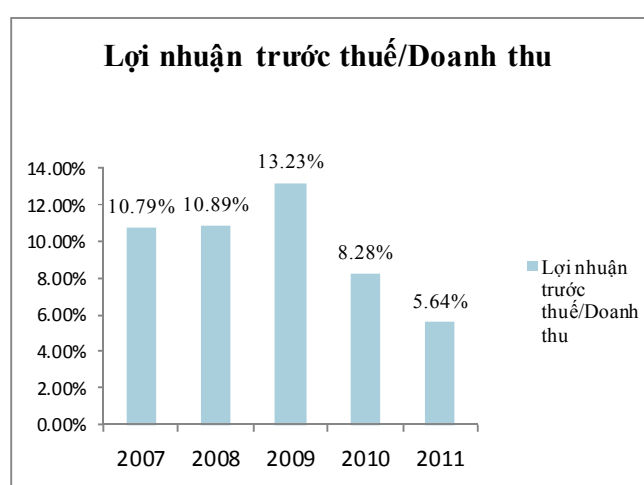
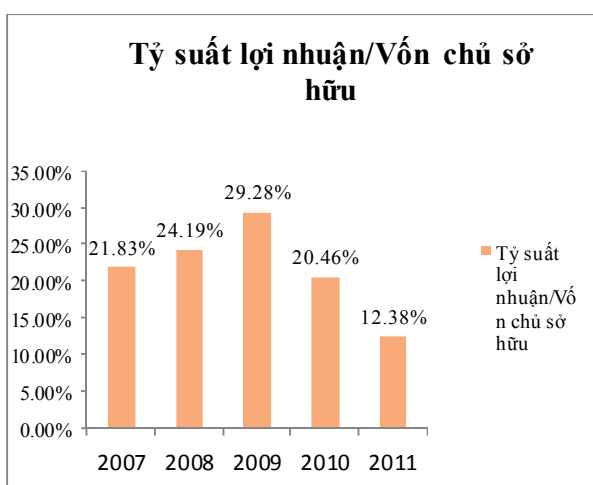
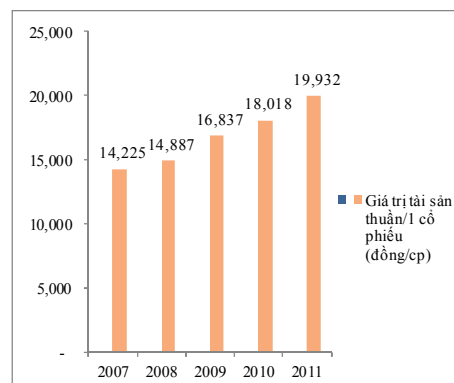
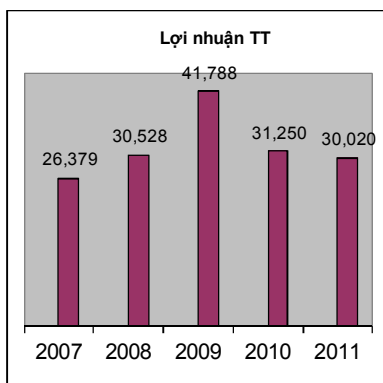
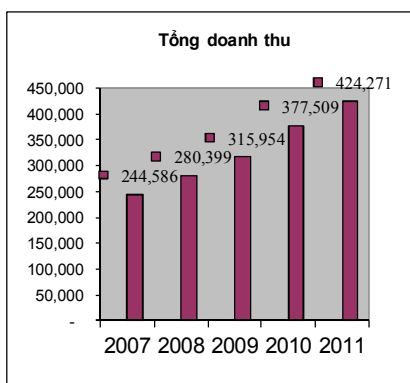
MỤC LỤC

I.	TÓM TẮT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUA 5 NĂM (2007-2011)	2
II.	MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC CỦA CÔNG TY.....	4
III.	PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	5
IV.	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	7
V.	THÔNG TIN CÔNG TY	9
VI.	SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ.....	11
VII.	THÔNG TIN SẢN PHẨM	15
VIII.	BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH.....	16
IX.	BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	19
X.	CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2012	22
XI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI AASCN	23

I. TÓM TẮT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUA 5 NĂM (2007-2011)

Năm	2007	2008	2009	2010	2011
BÁO CÁO LÃI LỖ (Triệu đồng)					
Tổng doanh thu	244,586	280,399	315,954	377,509	424,271
Lợi nhuận trước thuế	26,379	30,528	41,788	31,250	30,020
Lợi nhuận sau thuế	22,669	25,546	34,790	26,109	22,763
CỔ TỨC (đồng/cổ phiếu)					
Thu nhập cơ bản trên cổ phiếu	2,669	3,011	4,104	3,080	2,685
Trả cổ tức	1,200	1,500	1,900	1,500	1,500
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (triệu đồng)					
Vốn điều lệ	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000
Vốn chủ sở hữu	120,814	126,203	142,739	152,747	168,974
Tổng tài sản	155,852	170,997	195,651	203,383	231,843
Tổng nợ phải trả	35,038	44,794	52,912	50,635	62,869
Trong đó nợ dài hạn:	1,487	396	583	156	156
Giá trị tài sản thuần/1 cổ phiếu (đồng/cp)	14,225	14,887	16,837	18,018	19,932
CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH (%)					
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	10.79%	10.89%	13.23%	8.28%	7.07%
Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu	21.83%	24.19%	29.28%	20.46%	17.76%
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	29.00%	35.49%	37.07%	33.15%	37.21%

Tổng doanh thu của công ty đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 15% qua 5 năm.



II. MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC CỦA CÔNG TY

Mục tiêu ngắn hạn:

- Củng cố và phát triển hệ thống phân phối, tăng độ bao phủ sản phẩm để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2012.

Chiến lược phát triển dài hạn:

- Phấn đấu phát triển bền vững để trở thành một trong những Công ty sản xuất nước giải khát nội địa hàng đầu tại Việt Nam.
- Đa dạng hoá sản phẩm có giá trị dinh dưỡng nhằm đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng.
- Đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh, hợp tác đầu tư khai thác kinh doanh bất động sản tại 606 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh (trước đây là 379 Bến Chương Dương).

Cam kết với cộng đồng và xã hội:

- Sản xuất và cung cấp sản phẩm chất lượng đảm bảo an toàn cho sức khoẻ con người.
- Chung tay cùng cộng đồng để bảo vệ môi trường sạch và xanh.
- Tuân thủ luật pháp, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho ngân sách theo đúng quy chế, quy định.

III. PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Quý cổ đông,

Năm 2011 đã đi qua, mặc dù mới chỉ hoàn thành vượt chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch với con số hơn ba mươi tỷ đồng – lợi nhuận trước thuế có giảm so với thực hiện năm 2010 3.7%, doanh thu tiêu thụ đạt 422.8 tỷ gần 100% kế hoạch và tăng 12% so với thực hiện cùng kỳ năm 2010. Chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước đạt 23.4 triệu đồng tăng 8% so với cùng kỳ năm 2010, cổ tức chi trả 1.500 đồng/cổ phiếu, tương ứng 15%/mệnh giá nhưng chúng ta cũng có thể phần nào hài lòng với kết quả này trong bối cảnh nền kinh tế thế giới còn rất ảm đạm, kinh tế Việt Nam khó khăn để tăng trưởng GDP đạt 5.9%.

Song, Công ty cổ phần NGK Chương Dương vẫn cần phải nỗ lực nhiều trong thời gian tới đây, cụ thể trong năm 2012 này, để đạt được các chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu 7% và kinh doanh đạt lợi nhuận trước thuế tối thiểu 31,5 tỷ đồng, chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước tăng 11% so với năm 2011, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty phải tập trung vào các trọng tâm:

- Toàn thể nhân sự đều phải nâng cao năng lực làm việc, sáng tạo và cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ ở mỗi vị trí đảm nhiệm.
- Tiết kiệm chi phí hợp lý nhất để tăng chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức cho nhà đầu tư cao hơn lãi suất tiền gửi kỳ hạn ở các NHTM.
- Quản trị doanh nghiệp khéo léo để thực hiện thật tốt các mục tiêu đã đề ra.

Cùng với sự cổ vũ, ủng hộ của Quý cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước trong thời gian qua và tới đây, Hội đồng quản trị chúng tôi sẽ quyết tâm thực hiện kế hoạch năm 2012 đạt kết quả cao nhất.

Thay mặt công ty cổ phần NGK Chương Dương, tôi chân thành cảm ơn toàn thể cán bộ công nhân viên, các khách hàng phân phối sản phẩm của Công ty, các nhà cung cấp nguyên liệu và dịch vụ trong nước và nước ngoài, tất cả người tiêu dùng tín nhiệm và tin tưởng thương hiệu Sá xị của Chương Dương nói riêng và thức uống giải khát của Chương Dương nói chung đã giúp cho Công ty Chương Dương chúng tôi vững tin phát triển bền vững đến nay.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2012

BÙI NGỌC HẠNH

Chủ tịch HĐQT

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Nổi tiếp những khó khăn từ năm 2010, năm 2011 nền kinh tế Việt Nam lại đối diện với nhiều khó khăn và bất ổn, lạm phát cao, tăng trưởng GDP chậm hơn các năm trước, lãi suất vẫn cao hơn khu vực... đã gây áp lực cho doanh nghiệp sản xuất và ảnh hưởng đến sức mua của người dân.

Dẫu vậy, Công ty cổ phần nước giải khát Chương Dương cũng đã cố gắng hết sức để hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 đã giao.

- Tổng Doanh Thu thực hiện năm 2011 bằng 99% kế hoạch năm 2011 và tăng 12% so với năm 2010.
- Tổng lợi nhuận thực hiện năm 2011 đạt 103% kế hoạch năm 2011 và giảm 4% so với cùng kỳ năm 2010.
- Nộp ngân sách nhà nước năm 2011 đạt 93% kế hoạch năm 2011 và tăng 8% so với cùng kỳ năm 2010.

DVT: đồng	Năm 2010	NĂM 2011	KH 2011	TH/KH	2011/2010
Tổng doanh thu	377,508,682,357	424,271,194,430	430,335,023,144	98.59%	112.39%
Lợi nhuận trước thuế	31,249,573,717	30,020,036,921	29,128,451,948	103.06%	96.07%
Lợi nhuận sau thuế	26,108,561,024	22,762,982,989	21,846,338,961	104.20%	87.19%
Nộp ngân sách	21,667,310,778	23,422,565,322	25,198,000,000	92.95%	108.10%

Thực hiện Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên 2010 ngày 28/5/2011, Hội đồng quản đã họp bàn và ban hành nhiều nghị quyết chỉ đạo cho Ban Điều hành triển khai, xây dựng giải pháp thực hiện các chủ trương mà Hội Đồng Cổ Đông đã thông qua trong năm kế hoạch 2011. Trong đó có các kế hoạch sản xuất kinh doanh, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư.

Ngoài những kết quả đã đạt được trong năm 2011 như đã báo cáo ở trên. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Hội Đồng quản trị và Ban điều hành chúng tôi vẫn còn các tồn tại cần phải tập trung giải quyết tiếp trong năm 2012 và các năm tiếp theo như công tác đầu tư các dự án, hoàn chỉnh chính sách bán hàng phù hợp để có thể phát triển thị trường, đem lại lợi nhuận kinh doanh cho Nhà Phân Phối & Đại Lý, tạo niềm tin cho người tiêu dùng sản phẩm của Công ty. Đặc biệt là việc củng cố nguồn nhân lực trong quản trị rủi ro doanh nghiệp, chúng tôi nhanh chóng thành lập Ban Kiểm Tra, Kiểm Soát Nội Bộ... để xây dựng các Quy chế quản trị rủi ro nhằm hạn chế tối đa các rủi ro trong hệ thống quản trị Công ty.

Trong năm 2012 này, Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành Công ty quyết tâm để tăng trưởng doanh thu tối thiểu 8% so với thực hiện năm 2011, tổng lợi nhuận kế hoạch phải tăng trưởng tối thiểu 5% so với thực hiện năm 2011.

Hội đồng quản trị sẽ định hướng từng bước các chủ trương, chính sách để chỉ đạo cho Ban điều hành xây dựng các giải pháp phù hợp để thực hiện mục tiêu.

V. THÔNG TIN CÔNG TY

THÔNG TIN CÔNG TY – Giới thiệu về Công ty

Các sự kiện quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển

Năm 1952

Tiền thân là nhà máy USINE BELGIQUE trực thuộc tập đoàn B.G.I (Pháp quốc). Từ đó đến trước năm 1975, là nhà máy sản xuất nước giải khát lớn nhất Miền Nam Việt Nam.

Năm 1977

Nhà máy được tiếp quản bởi Nhà nước và trở thành nhà máy quốc doanh với tên gọi Nhà máy nước ngọt Chương Dương.

Năm 2004

Thực hiện chủ trương cổ phần hoá các công ty quốc doanh, Công ty chính thức chuyển đổi chuyển thành Công ty Cổ phần Nước giải Khát Chương Dương, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp phép kinh doanh ngày 02/06/2004, số giấy phép 4103002362.

Năm 2006

Công ty hân hạnh được chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam tặng Huân Chương Lao Động Hạng Nhất về thành tích xuất sắc trong lao động từ năm 2002-2006.

Trong giai đoạn từ khi cổ phần hoá đến nay:

Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương đã nhận được nhiều giấy khen, bằng khen của các cấp từ địa phương đến trung ương vì đã góp phần vào sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ tổ quốc trong thời kỳ đổi mới, công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

Công ty được người tiêu dùng bình chọn hàng Việt Nam Chất Lượng Cao trong suốt 15 năm từ năm 1997 đến năm 2011.

Năm 2012

Dấu ấn kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Công ty.

Các chi nhánh của Công ty

Hiện tại Công ty có 02 chi nhánh đặt tại:

- Tp. HCM : VITA : 577 Hùng vương, P.12, Q6
- Vĩnh Long: 176/5 Phạm Hùng, P.9, Thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

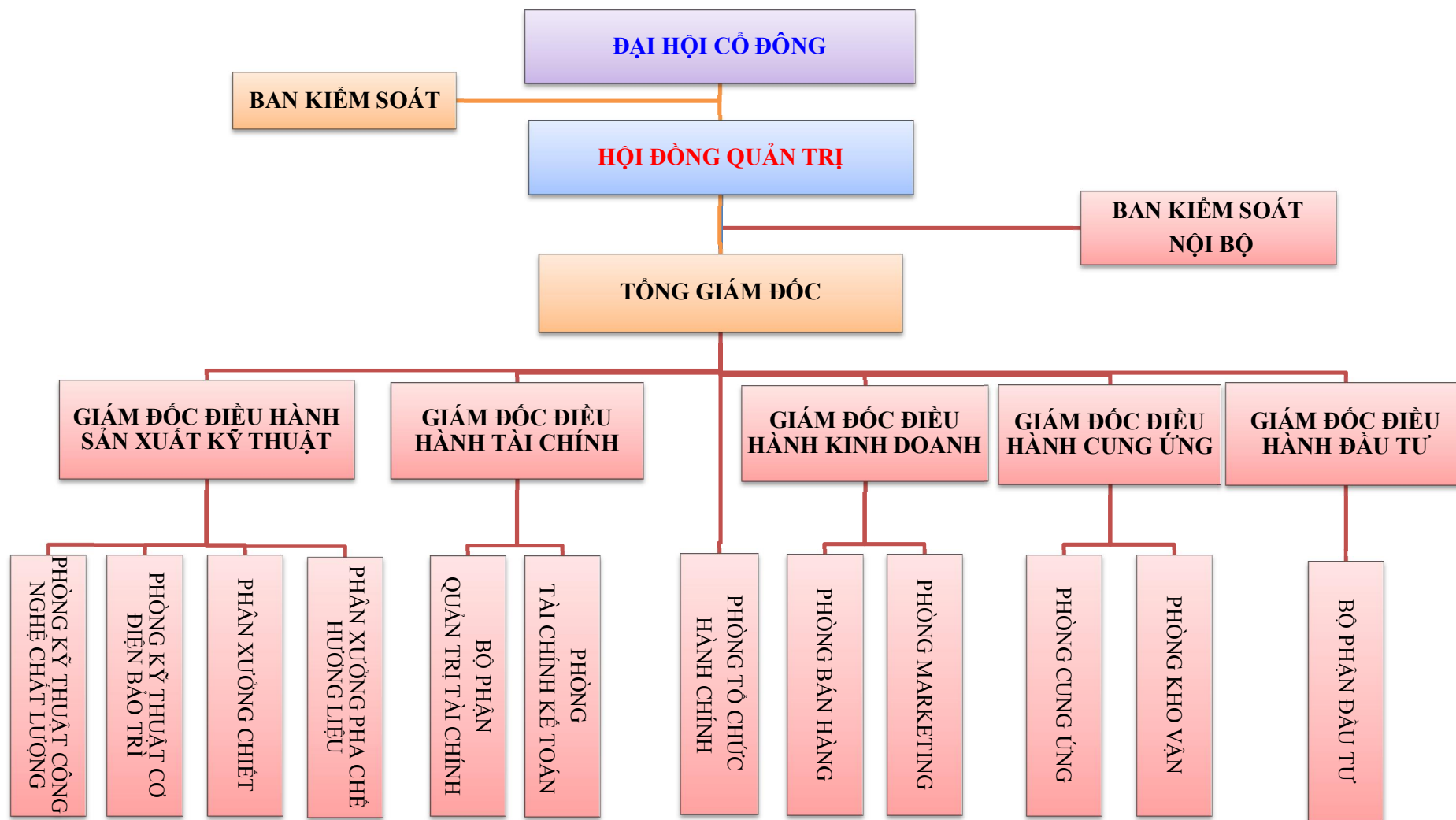
Sắp tới, Công ty đặt thêm một chi nhánh mới tại dự án vừa hoàn thành cuối năm 2011, địa chỉ 4C. Gò Dầu, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất kinh doanh các loại đồ uống;
- Sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ liên quan đến lĩnh vực đồ uống.
- Kinh doanh nhà.
- Môi giới bất động sản.

Thông tin liên hệ

- Địa chỉ : 606 Võ Văn Kiệt , phường Cầu Kho, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 3 8 367 518 – 3 8 368 747 Fax: (84-8) 3 8 367 176
- Website: chuongduong.com.vn hoặc cdbeco.com.vn



Giới thiệu Hội Đồng Quản Trị và Ban điều hành Công Ty

Hội đồng quản trị:

▪ Ông Bùi Ngọc Hạnh - Chủ tịch

Tốt nghiệp cử nhân kinh tế chuyên ngành tài chính kế toán.

Trước năm 2006 – Phó phòng TCKT của SABECO.

Từ năm 2006-2008 - Ủy viên HĐQT kiêm trưởng ban kiểm soát của SABECO.

Từ năm 2008 đến nay - Ủy viên HĐQT của SABECO. Thời gian này Ông cũng là ủy viên HĐQT của CDBECO và được bầu làm chủ tịch HĐQT của CDBECO từ tháng 5/2011.

▪ Ông Hoàng Chí Thành - Ủy viên

Tốt nghiệp cử nhân kinh tế và cử nhân luật.

Trước năm 2005 – Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Bia Rượu NGK Sài Gòn (SABECO) kiêm chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh Bia Sài Gòn Phú Yên.

Từ năm 2005-2011 – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc của CDBECO, kiêm chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần nước khoáng DAKAI năm 2008.

Từ tháng 5/2011 đến nay- Ủy viên HĐQT của CDBECO và là chuyên viên HĐQT của SABECO

Từ năm 2005-2011 – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc của CDBECO.

Từ tháng 5/2011 đến nay- Ủy viên HĐQT của CDBECO và là chuyên viên HĐQT của SABECO

▪ Ông Lê Tuấn - Ủy viên

Từ năm 2000-2004: Giám đốc điều hành Công ty TNHH công nghệ mới TS.

Từ năm 2004-2009: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần tư vấn & đầu tư mạo hiểm.

Năm 2009 tới nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị các Công ty: Cty CP Tư vấn và Đầu tư mạo

hiểm (VC Invest®), Cty CP Đồ uống và Thực phẩm Mekong®, Cty TNHH MTV ĐTPT Thủy điện Nam Leng, Cty CP ĐTPT Du lịch – Khách sạn Tiền Giang, Cty CP ĐTPT Khu Đô thị biển Mũi Né – Marina, Cty CP ĐTPT Hạ tầng cơ sở và Khu công nghiệp Tiền Giang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc: Cty CP Đầu tư Phát triển không gian ngầm.

Năm 2010 tới nay: Phó Chủ tịch Hội Người Đi Biển Việt Nam kiêm Chủ tịch Chi Hội Người Đi Biển Việt Nam TP Hồ Chí Minh kiêm Trưởng văn phòng đại diện Hội Người Đi Biển Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh.

▪ Ông Võ Văn Tân- Ủy viên

Tốt nghiệp đại học Bách Khoa TP. Hồ Chí Minh năm 1983 chuyên ngành Kỹ sư cơ khí.

Từ trước năm 2004 – Phó giám đốc kỹ thuật CTY NGK Chương Dương.

Từ 2004 – 2007: Phó giám đốc Kinh Doanh, ủy viên HĐQT CTY CP NGK Chương Dương.

Từ 2007 – 2011: Giám đốc Đầu Tư CTY CP NGK Chương Dương.

Từ 2011 – 2012: Quyền Tổng Giám Đốc - ủy viên HĐQT CTY CP NGK Chương Dương.

▪ Ông Phạm Việt Bắc - Ủy viên

Tốt nghiệp cử nhân kinh tế bảo hiểm năm 1999 của Trường ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội. Cao học tài chính ứng dụng của Trường Đại Học Tổng Hợp Melbourne.

Từ năm 2001 – 2006: Trưởng văn phòng đại diện của Bảo Hiểm PJICO Hưng Yên

Từ năm 2003-2006: Công tác tại Công ty kiểm toán PwC, chuyên viên đầu tư của Indochina Capital, chuyên viên phụ trách dịch vụ quản lý quỹ của Deutsche Bank AG – VN.

Từ 2007-nay: công tác tại Công ty quản lý quỹ SABECO, Công ty Jaccars. Hiện đang là Quyền Tổng Giám Đốc của Quỹ SABECO.

■ **Ban Kiểm soát:**

- | | |
|-----------------------------|------------|
| ▪ Ông Dương Chí Hùng | Trưởng ban |
| ▪ Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung | Ủy viên |
| ▪ Ông Châu Ngọc Trung Chánh | Ủy viên |

■ **Ban Tổng Giám Đốc điều hành:**

- | | |
|-------------------------|----------------------------------|
| ▪ Ông Võ Văn Tân | Quyền Tổng giám đốc điều hành |
| ▪ Bà Nguyễn Thuý Phượng | Giám đốc tài chính |
| ▪ Ông Hoàng Quang Dũng | Quyền Giám đốc sản xuất kỹ thuật |

■ **Kế toán trưởng: Bà Đỗ Thị Thanh Loan**

Cơ cấu cổ đông và sở hữu cổ phiếu của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm Soát, Ban điều hành và kế toán trưởng.

- Ông Bùi Ngọc Hạnh – chủ tịch HĐQT, Ông Hoàng Chí Thành - Ủy viên HĐQT, Ông Võ Văn Tân – ủy viên HĐQT, đại diện cho Tổng Công ty cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn (SABECO), nắm giữ 4.335.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 51%.
- Ông Lê Tuấn – ủy viên HĐQT đại diện cho Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư mạo hiểm, nắm giữ 1.100.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 12.94%.
- Ông Phạm Việt Bắc - ủy viên HĐQT đại diện cho Quỹ đầu tư SABECO 1, nắm giữ 926.500 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 10.90%
- Ông Võ Văn Tân - ủy viên HĐQT, sở hữu 2.050 cổ phiếu.
- Các thành viên Ban kiểm soát đại diện cho số lượng cổ phiếu sở hữu của các tổ chức Công ty cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn, Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư mạo hiểm, Quỹ SABECO 1 không có sở hữu cổ phiếu SCD riêng.
- Các thành viên Ban Giám Đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần NGK Chương Dương không nắm giữ cổ phiếu SCD ngoại trừ Ông Võ Văn Tân – Quyền Tổng giám đốc kiêm ủy viên HĐQT như đã nêu trên.

Về công tác tổ chức và nhân sự

■ Những thay đổi trong ban điều hành:

- Ngày 1/1/2011, bổ nhiệm Quyền Tổng Giám Đốc, không kiêm nhiệm chủ tịch hội đồng quản trị.
- Tháng 4/2011, bổ nhiệm Bà Đỗ Thị Thanh Loan - kế toán trưởng, Bà Nguyễn Thúy Phượng- Giám Đốc Tài chính.
- Tháng 5/2011, thay đổi người đại diện Pháp Luật và chủ tịch hội đồng quản trị là Ông Bùi Ngọc Hạnh.
- Tháng 11/2011, bổ nhiệm tạm thời Ông Hoàng Quang Dũng – Quyền Giám Đốc sản xuất kỹ thuật thay cho Bà Nguyễn Thị Trọng Hòa về hưu 1/7/2011.

- Đến 31/12/2011, có 443 cán bộ và công nhân viên. Công ty áp dụng chính sách tiền lương, thưởng cho CBCNV trên nguyên tắc dân chủ, công bằng theo Quy chế trả lương, trả thưởng do Công ty xây dựng từ cuối năm 2009 đến nay.

VII. THÔNG TIN SẢN PHẨM

VIII. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Tình hình kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng đã phải đối diện với nhiều khó khăn trong năm 2011, Công ty cổ phần NGK Chương Dương sản xuất mặt hàng thức uống giải khát cũng phải đối mặt nhiều thách thức và áp lực thị trường khốc liệt.

Mặc dù Công ty đã cố gắng rất nhiều để đạt được chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận kế hoạch năm 2011 nhưng thật sự chưa tăng trưởng về sản lượng, thị phần tiêu thụ bị thu hẹp bớt.

Chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch năm 2011 được đảm bảo nhưng có giảm so với cùng kỳ năm 2010 và lợi nhuận của Công ty được củng cố từ hoạt động tài chính, đóng góp 35% trong tổng lợi nhuận. Thực hiện chủ trương, nghị quyết 11 của Chính Phủ trong việc kiềm chế lạm phát và mong được chia sẻ với người tiêu dùng những khó khăn trong bối cảnh hiện nay, Công ty cổ phần NGK Chương Dương đã không tăng giá bán sản phẩm mặc dù giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng nhiều trong năm 2011.

Phân tích và đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2011: 424.271.194.430 đồng tăng 12.89% so với thực hiện năm 2010 và tăng 1.17% so với kế hoạch năm 2011.
- Tổng chi phí thực hiện năm 2011: 394.251.157.509 đồng, tăng 13.86% so với thực hiện cùng kỳ năm 2010 và tăng 0.94% so với kế hoạch năm 2011.
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thực hiện năm 2011: 30.020.036.921 đồng giảm 4% so với thực hiện cùng kỳ năm 2010 và vượt 3% kế hoạch năm 2011. Tổng lợi nhuận giảm so với thực hiện năm 2010 do chi phí tăng cao hơn khoản tăng doanh thu. Trong đó, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất chính giảm 10% so với thực hiện cùng kỳ năm 2010, chỉ đạt được 84% kế hoạch năm 2011. Trong đó lợi nhuận từ hoạt động tài chính chiếm tỷ trọng 35%, tăng 10% so với thực hiện cùng kỳ năm 2010 và tăng hơn 75% so với KH năm 2011.

Phân tích tài chính

Tình hình tài sản và nguồn vốn:

Tính đến cuối năm 2011, tổng tài sản của CDBECO đạt 232 tỷ, tăng 28 tỷ so với số đầu năm 2010, tương ứng tăng 14%. Trong đó, chủ yếu do tăng tài sản ngắn hạn (tăng 30.6 tỷ, tăng 21%), tài sản dài hạn giảm (giảm 2 tỷ, giảm 4%).

Tài sản ngắn hạn của Công ty tăng do lượng tiền mặt và tiền gửi tăng, tăng lượng hàng tồn kho và giảm khoản phải thu từ khách hàng.

Tài sản dài hạn của Công ty giảm là do khoản chi phí phải trả trước dài hạn đã giảm, đây là khoản chi phí phân bổ bao bì chai két hai chiều.

Về nguồn vốn, tài sản ngắn hạn tăng thêm được tài trợ chủ yếu từ vốn chủ sở hữu và nợ ngắn hạn. Nợ ngắn hạn chủ yếu cũng là nợ nhà cung cấp. Công ty không sử dụng vốn vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác. Đây cũng là thế mạnh của Công ty trong thời kỳ thị trường tài chính có nhiều biến động, chi phí sử dụng vốn cao.

Dòng tiền

Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 vẫn dương và đạt 29 tỷ đồng so với dòng tiền thuần năm 2010 dương 3.2 tỷ đồng do có sự thay đổi trong dòng tiền hoạt động đầu tư (các khoản tiền gửi kỳ hạn 3 tháng).

Nghĩa vụ ngân sách

Công ty thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách 23.4 tỷ đồng, tăng 8% so với thực hiện cùng kỳ năm 2010 và đạt 93% kế hoạch năm 2011. Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế đối với Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Các chỉ số tài chính tiêu biểu:

Chỉ số	ĐVT	Năm 2010	Năm 2011	KH Năm 2011
Tăng trưởng doanh thu thuần	%	117.66%	112.25%	115.30%
Vòng quay khoản phải thu ngắn hạn	Lần	11	21	13
Số ngày thu hồi nợ ngắn hạn	Ngày	34	17	27
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	14	11	12
Số ngày luân chuyển hàng tồn kho	Ngày	26	32	30
Tỷ lệ chia cổ tức	%	15.00%	15.00%	15.00%
Tỷ suất sinh lợi/doanh thu (thuần)	%	7.14%	5.54%	5.18%
Tỷ suất sinh lợi/doanh thu (thuần)	%	8.54%	7.31%	6.91%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn cổ phần (ROE)	%	17.09%	13.47%	13.77%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	%	12.84%	9.82%	9.97%
Thu nhập cơ bản trên cổ phiếu EPS	Đồng	2,685	3,080	2,577
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3	3	3
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2	2	2

Công ty có tình hình tài chính lành mạnh, khả năng thanh toán hiện hành và nhanh hoàn toàn được đảm bảo. Công ty luôn luôn kiểm soát chặt chẽ vòng quay vốn lưu động, khai thác sử dụng đồng vốn hiệu quả nhất.

Về công tác đầu tư trong năm 2011

- Dự án tại 4C tổ 7, Gò Dầu, Tân Kỳ Tân Quý: đã xây dựng hoàn tất Nhà làm việc và Phòng trưng bày sản phẩm từ tháng 9 năm 2011, Công ty đã tiến hành thực hiện nghiệm thu nhưng chưa có phương án khai thác sử dụng phù hợp. Hiện tại, kiểm toán quyết toán dự án đầu tư có kết luận phát hiện nhiều sai sót, công ty đang tiến hành xem xét.

- Các dự án khác, Công ty vẫn đang tiếp tục tiến hành nghiên cứu, đánh giá và chờ cấp thẩm quyền xem xét phê duyệt để thực hiện.

Về đầu tư tài chính

- Góp vốn đầu tư dài hạn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp SABECO 2.250.000.000 đồng từ cuối năm 2005. Tháng 6 năm 2009, Công ty được nhận lãi góp vốn của năm 2007, 2008, 2009 và năm 2010 bằng tiền mặt: 335 triệu đồng. Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng KCN Sabeco hiện vẫn đang triển khai Dự án ở KCN Đồng Nai.
- Góp vốn đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Bia Nước giải khát Sài Gòn Tây Đô 6.500.000.000 đồng. Chiếm tỷ lệ vốn góp 6.25%. Các năm 2006, 2007 và năm 2008 hoạt động lỗ, năm 2009 bắt đầu có lãi. Công ty đã nhận cổ tức năm 2010 là 25% tương ứng khoảng 1.625.000.000 Đồng, cổ tức năm 2011 là 1,3 tỷ (tỷ lệ 20%).
- Đầu tư dài hạn chứng chỉ Quỹ đầu tư SABECO 1: 7.000.000.000 đồng trên vốn góp CSH 350.000.000.000 đồng đến 31/12/2011, tương ứng tỷ lệ góp vốn 2%. Quỹ đầu tư Sabeco 1, chủ yếu đầu tư vào Các công ty trong cùng hệ thống của Sabeco. Đến 31/12/2009, giá trị tài sản ròng của Quỹ SF1 là 349.246.912.639 đồng, giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ: 997.848 đồng giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm 2010. Cuối 31/12/2010, giá trị tài sản ròng của quỹ SF1: 328.556.438.904 đồng, giảm thêm gần 10% so với năm 2009. Hiện tại, theo Nghị quyết của Đại Hội Thường niên năm 2010 vừa họp ngày 10/01/2012, quỹ sẽ xin phép đóng cửa trước thời hạn và thực hiện các phương án giải thể quỹ gửi cho các nhà đầu tư. Theo báo cáo tài chính của Quỹ SF1 đến 31/12/2011, giá trị tài sản ròng là: 349.009.139.271 đồng.

Về hệ thống phân phối

Công ty có hệ thống phân phối sản phẩm trải dài từ Nam ra đến Bắc Trung Bộ. Nhà Phân Phối lớn và thị trường tiêu thụ sản phẩm chủ yếu tại TP.Hồ Chí Minh. Khu vực Miền Đông Nam Bộ là thị trường có nhiều tiềm năng để phát triển thị phần. Các khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và Miền Tây hiện có trên 150 nhà phân phối và đại lý phân phối sản phẩm nước giải khát của CDBECO. Hiện tại Công ty đang củng cố và phát triển hệ thống phân phối ở các khu vực tỉnh ngoài TP.Hồ Chí Minh.

Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Công ty sẽ cố gắng phát triển dòng sản phẩm thức uống có giá trị dinh dưỡng cao nhằm đáp ứng thị hiếu và nhu cầu của người tiêu dùng.

TP.HCM, ngày 21 tháng 04 năm 2012

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2011

Kính thưa Quý cổ đông Công ty CP Nước Giải Khát Chương Dương,

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát báo cáo Đại hội cổ đông kết quả hoạt động giám sát, thẩm định của Ban kiểm soát năm 2011:

1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, trong năm 2011 gồm các thành viên sau:

- Ông Dương Chí Hùng – Trưởng ban
- Ông Trương Hải Đăng Khoa – Thành viên, miễn nhiệm ngày 28/05/2011
- Bà Phạm Thị Hồng Phước – Thành viên, miễn nhiệm ngày 28/05/2011
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung – Thành viên, từ ngày 29/05/2011
- Ông Châu Ngọc Trung Chánh – Thành viên, từ ngày 29/05/2011

2. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2011:

2.1 Tham gia các cuộc họp:

Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, tại các cuộc họp đã đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị đã thực hiện nghiêm túc các trách nhiệm nhằm đạt được các mục tiêu đã được Đại hội cổ đông phê duyệt tại đại hội ngày 28/05/2011.

Hội đồng quản trị đã trao đổi, bàn bạc các phương án kinh doanh, các vấn đề trao đổi được phê duyệt khi có sự đồng thuận tuyệt đối giữa các thành viên.

Các ý kiến đóng góp của Ban kiểm soát đều được tôn trọng và cân nhắc trong các quyết định của Hội đồng quản trị.

Ngoài ra, một số cuộc họp của Ban điều hành về một số vấn đề quan trọng Ban kiểm soát cũng đã tham gia, thảo luận đóng góp ý kiến và được Ban điều hành ghi nhận.

2.2 Trao đổi với Kiểm toán độc lập và Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2011

Được ủy quyền của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011.

Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp với AASCN để trao đổi các vấn đề về phạm vi kiểm toán, kết quả kiểm toán và những vấn đề được nêu trong thư quản lý.

Qua kiểm tra xem xét, Ban kiểm soát thống nhất với số liệu theo báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2011. Tình hình tài chính của công ty hiện vẫn lành mạnh.

Ban Kiểm soát lưu ý HĐQT, Ban điều hành quan tâm tới những vấn đề đã được AASCN nêu trong thư quản lý của mình.

2.3 Thẩm định báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong công tác quản lý điều hành công ty, thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông 2011.

Ban kiểm soát đã xem xét và thống nhất với nội dung các báo cáo sau:

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011.
- Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
- Việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2011
- Việc thực hiện thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2011

3. Một số ý kiến đánh giá và đề xuất:

Qua thực hiện công tác giám sát Hội đồng quản trị và Ban điều hành, Ban kiểm soát nhận thấy trong năm 2011 là một năm thực sự khó khăn trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Nước giải khát Chương Dương. Do tình hình thị trường diễn biến ngày càng phức tạp và sự cạnh tranh gay gắt dẫn đến hàng loạt các nguy cơ và rủi ro.

Ban kiểm soát nhận thấy với các máy móc thiết bị hiện nay đòi hỏi số lượng nhân sự đảm bảo sản xuất là cao, chi phí tiền lương khá lớn dẫn đến việc chúng ta không đủ nguồn lực về tài chính để hỗ trợ cho các hoạt động khác, trong đó có việc tổ chức công tác làm thị trường, một khâu quan trọng nhất để tồn tại và phát triển; cũng như việc tuyển dụng các nhân sự chủ chốt khó đảm bảo được các quyền lợi tương xứng theo mặt bằng chung trên thị trường ngành nước giải khát như hiện nay.

Với thế mạnh từ thương hiệu truyền thống và chủ trương của đại hội cổ đông qua các năm về việc di dời, thực hiện đầu tư xây dựng nhà máy mới với thiết bị công nghệ cao, duy trì sản phẩm chính và phát triển các dòng sản phẩm mới, Ban điều hành nên xây dựng các phương án và lộ trình cụ thể để trình Hội đồng quản trị xem xét và thông qua đại hội cổ đông phê duyệt để thực hiện.

Ngoài ra, để các hoạt động quản lý rủi ro, kiểm tra và kiểm soát vận hành, nhằm đáp ứng các thông tin quan trọng về thực trạng của hệ thống cũng như thực hiện hoàn thiện các quy trình, phục vụ cho tăng trưởng và tận dụng cơ hội thị trường, tránh các rủi ro như đã xảy ra, Hội đồng quản trị cũng đã có chủ trương thành lập Ban Kiểm tra Kiểm soát Nội bộ trực thuộc HĐQT, với nhân sự chủ chốt là Giám đốc Kiểm tra Kiểm soát Nội bộ, ngay trong năm 2011. Ban Kiểm soát nhận thấy thực hiện ngay việc này là rất cần thiết.

Ban kiểm soát với tư cách là đại diện của các cổ đông trong việc giám sát, chúng tôi hết sức tin tưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã hết sức cố gắng trong việc quản lý, điều hành, xây dựng và phát triển doanh nghiệp, đem lại lợi ích tối đa cho cổ đông và

đảm bảo quyền lợi của người lao động. Chúng tôi tin tưởng Hội đồng quản trị và Ban điều hành sẽ tiếp tục cố gắng để đạt được các mục tiêu do Đại hội cổ đông giao.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ của Quý cổ đông đã dành cho Ban kiểm soát trong những năm qua và xin chúc Quý vị một năm thành công.

Trân trọng.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Đã ký)
Dương Chí Hùng

X. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2012

Chỉ tiêu	NĂM 2011	KH.Năm 2012	Kh.2012/ Th. 2011
Doanh thu bán hàng & dịch vụ	422,811,700,504	444,953,193,423	105.24%
Các khoản giảm trừ doanh thu	12,165,914,110	676,921,875	5.56%
Doanh thu thuần về bán hàng & dịch vụ	410,645,786,394	444,276,271,548	108.19%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30,020,036,921	31,599,485,029	105.26%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,685	2,795	92.25%
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	15	15	100.00%
- Lợi nhuận phân phối các quỹ	22,540,770,122	23,699,613,773	105.14%
- Trích Quỹ ĐTPT (10%)	2,254,077,012	2,369,961,377	105.14%
- Trích Quỹ DPTC (5%)	1,127,038,506	1,184,980,689	105.14%
- Trích Quỹ KTPL năm 2011 (10%)	2,254,077,012	2,369,961,377	105.14%
- Chi trả cổ tức	12,716,460,000	12,716,460,000	100.00%
- Lợi nhuận giữ lại để bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển	4,189,117,592	5,058,250,329	120.75%
- Lợi nhuận còn lại năm trước			
- TS Thuế TNDN hoãn lại	222,212,867	-	
- Tổng LN còn lại	4,411,330,459	5,058,250,329	114.66%

XI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI AASCN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà Nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 242/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ Công Nghiệp.

Giấy đăng ký kinh doanh số 4103002362 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 4 số 0300584564 ngày 06 tháng 01 năm 2012 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động của Công ty là: Sản xuất, mua bán đồ uống (không hoạt động tại khu dân cư tập trung). Sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ ngành sản xuất đồ uống. Kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản.

Trụ sở chính của Công ty tại số 606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận I, TP. Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Ngọc Hạnh	Chủ tịch	Từ ngày 29/05/2011
Ông Hoàng Chí Thành	Chủ tịch	Đến ngày 28/05/2011
Ông Hoàng Chí Thành	Ủy viên	Từ ngày 29/05/2011
Ông Lê Tuấn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên	Đến ngày 28/05/2011
Ông Nguyễn Văn Toàn	Ủy viên	Đến ngày 28/05/2011
Ông Võ Văn Tân	Ủy viên	Từ ngày 29/05/2011
Ông Phạm Việt Bắc	Ủy viên	Từ ngày 29/05/2011

Ban Tổng Giám đốc

Ông Võ Văn Tân	Quyền Tổng Giám đốc	
Ông Lê Chí Nguyễn	Giám đốc điều hành cung ứng	
Bà Nguyễn Thị Trọng Hòa	Giám đốc điều hành sản xuất	Đến ngày 01/06/2011
Hoàng Quang Dũng	Giám đốc điều hành sản xuất	Từ ngày 01/10/2011
Bà Nguyễn Thúy Phượng	Giám đốc tài chính	Từ ngày 02/04/2011
Dương Thị Phương Liên	Giám đốc kinh doanh	Từ ngày 01/07/2011

Ban kiểm soát

Ông Dương Chí Hùng	Trưởng ban	
Ông Trương Hải Đăng Khoa	Thành viên	Đến ngày 28/05/2011
Bà Phạm Thị Hồng Phước	Thành viên	Đến ngày 28/05/2011
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên	Từ ngày 29/05/2011
Ông Châu Ngọc Trung Chánh	Thành viên	Từ ngày 29/05/2011

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các hành vi khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Theo Điều lệ của Công ty quy định Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tuy nhiên do Chủ tịch HĐQT không trực tiếp điều hành Công ty và có Ủy quyền cho Tổng giám đốc ký Báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 161/GUQ-HĐQT ngày 31/12/2011.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 của Công ty được trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Bùi Ngọc Hạnh
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 17 tháng 03 năm 2012

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Võ Văn Tân
Quyền Tổng Giám đốc

Số : 101 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính năm 2011
của Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương

Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 17/03/2012 và được trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần

Như thuyết minh tại mục V.2 thuyết minh báo cáo tài chính, khoản phải thu khác của Công ty là khoản phải thu do thất thoát hàng hóa là 1.444.394.600 đồng chưa được Công ty thành lập hội đồng xử lý. Nếu khoản thất thoát hàng hóa này được xử lý như một khoản tổn thất thì nguồn vốn chủ sở hữu sẽ giảm đi một khoản tương ứng.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)
Giám đốc



Nguyễn Thị Lan
Chứng chỉ KTV số: 0167/KTV
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Kiểm toán viên



Nguyễn Hồng Nga
Chứng chỉ KTV số: 1266/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		179.267.618.512	148.628.853.086
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	121.053.284.168	86.142.386.618
1. Tiền	111		17.153.284.168	21.442.386.618
2. Các khoản tương đương tiền	112		103.900.000.000	64.700.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.082.045.585	35.878.800.264
1. Phải thu khách hàng	131		17.166.558.639	27.822.177.288
2. Trả trước cho người bán	132		951.398.530	4.571.200.667
3. Các khoản phải thu khác	135	V.2	2.749.483.600	3.601.762.104
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(785.395.184)	(116.339.795)
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	36.249.940.051	26.097.416.956
1. Hàng tồn kho	141		36.746.144.217	26.969.061.817
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(496.204.166)	(871.644.861)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.882.348.708	510.249.248
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		433.551.799	72.590.912
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		38.198.762	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	1.410.598.147	437.658.336
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		52.575.828.182	54.753.731.253
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		34.300.000	38.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	218		34.300.000	38.500.000
II. Tài sản cố định	220		32.932.985.274	32.294.190.038
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	5.522.065.284	7.122.775.898
- Nguyên giá	222		46.816.939.288	46.949.416.555
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.294.874.004)	(39.826.640.657)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	104.028.186	24.110.226
- Nguyên giá	228		263.688.400	145.688.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(159.660.214)	(121.578.174)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	27.306.891.804	25.147.303.914
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	15.870.182.785	15.428.732.778
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		15.890.000.000	15.890.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(19.817.215)	(461.267.222)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.738.360.123	6.992.308.437
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	3.500.147.256	6.987.808.437
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	222.212.867	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		16.000.000	4.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		231.843.446.694	203.382.584.339

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		62.869.412.578	50.635.130.626
I. Nợ ngắn hạn	310		62.713.662.578	50.479.380.626
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		34.583.251.048	21.404.070.394
3. Người mua trả tiền trước	313		803.848.981	1.263.165.900
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	5.752.146.838	5.901.855.901
5. Phải trả người lao động	315		6.932.552.865	9.057.486.236
6. Chi phí phải trả	316	V.11	11.395.525.136	9.272.883.586
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	2.598.877.102	2.985.994.513
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		647.460.608	593.924.096
II. Nợ dài hạn	330		155.750.000	155.750.000
1. Phải trả dài hạn khác	333		155.750.000	155.750.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		168.974.034.116	152.747.453.713
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	168.974.034.116	152.747.453.713
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(347.276.838)	(347.276.838)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		199.530.700	243.036.274
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		59.416.909.510	52.044.286.199
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.577.080.285	6.450.041.779
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		17.127.790.459	9.357.366.299
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		231.843.446.694	203.382.584.339

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		8.591.547.593	14.818.508.688
<i>Trong đó : Tài sản không có giá trị thu hồi</i>		76.788.099	76.788.099
<i>Thành phẩm giữ hộ khách hàng</i>		8.514.759.494	14.741.720.589
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		663.707.882	658.707.882
5. Ngoại tệ các loại			-
+ USD		92.628,18	19.844,48
+ EUR		494,26	14.735,39
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Loan



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	422.811.700.504	378.400.065.308
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	12.165.914.110	12.554.463.921
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	410.645.786.394	365.845.601.387
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	327.659.846.531	281.400.782.876
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		82.985.939.863	84.444.818.511
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	12.142.832.406	9.059.469.117
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	1.510.837.313	(622.603.301)
8. Chi phí bán hàng	24		44.835.278.767	47.436.295.509
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.122.659.982	18.006.295.401
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.659.996.207	28.684.300.019
11. Thu nhập khác	31		1.482.575.630	2.603.611.853
12. Chi phí khác	32		122.534.916	38.338.155
13. Lợi nhuận khác	40		1.360.040.714	2.565.273.698
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.020.036.921	31.249.573.717
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	7.479.266.799	5.141.012.693
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	(222.212.867)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.762.982.989	26.108.561.024
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2.685	3.080

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Loan



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	30.020.036.921	31.249.573.717
2. Điều chỉnh các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.975.910.743	2.015.273.950
- Các khoản dự phòng	03	(147.835.313)	(1.420.033.553)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12.789.979.862)	(9.000.188.413)
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	19.058.132.489	22.844.625.701
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	15.231.063.343	(17.445.985.165)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(9.777.082.400)	(4.675.817.997)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	11.945.538.799	3.236.166.452
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.126.700.294	1.467.212.176
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.035.401.758)	(4.744.119.751)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	5.207.231.142	7.102.454.800
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(8.371.557.289)	(4.539.449.292)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	29.384.624.620	3.245.086.924
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.699.886.932)	(1.259.448.740)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	899.004.713	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	13.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.565.975.149	8.941.410.335
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	9.765.092.930	20.681.961.595
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.238.820.000)	(18.651.138.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.238.820.000)	(18.651.138.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	34.910.897.550	5.275.910.519
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	86.142.386.618	80.884.891.884
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(18.415.785)
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	121.053.284.168	86.142.386.618

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Quyền Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Thủy

Đỗ Thị Thanh Loan

Võ Văn Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà Nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 242/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ Công Nghiệp.

Giấy đăng ký kinh doanh số 4103002362 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 4 số 0300584564 ngày 06 tháng 01 năm 2012 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận I, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty là: Sản xuất, mua bán đồ uống. Sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ ngành sản xuất đồ uống. Kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản.

II. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa sổ dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20 năm
- Máy móc, thiết bị	5 – 08 năm
- Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	3 – 05 năm
- Phần mềm	03 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Bao bì luân chuyển công ty phân bổ trong thời gian 4 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi phân phối các quỹ và phân phối khác theo nghị quyết của đại hội cổ đông.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

11. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

12. Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	115.840.703	47.208.373
Tiền gửi ngân hàng	17.037.443.465	21.395.178.245
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	103.900.000.000	64.700.000.000
Cộng	121.053.284.168	86.142.386.618

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu cổ tức	1.300.000.000	975.000.000
Phải thu hỗ trợ chi phí marketing	-	1.170.000.000
Phải thu khác (*)	1.449.483.600	1.456.762.104
Cộng	2.749.483.600	3.601.762.104

(*) Trong đó: khoản nợ phải thu mang tên Sài Gòn Coop số tiền 1.444.394.600 đồng tương ứng với số hàng Công ty xuất theo hóa đơn tài chính ghi tên khách hàng là Sài Gòn Coop nhưng nhân viên bán hàng của Công ty và Hợp tác xã vận tải số 9 không giao hàng cho Sài Gòn Coop mà bán cho người khác nhưng không nộp tiền về Công ty và cho đến thời điểm hiện nay khoản nợ này chưa được Công ty thành lập hội đồng để xử lý.

3. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	20.523.213.156	22.787.845.099
Công cụ, dụng cụ	44.397.882	30.824.190
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	62.557.317	846.533.564
Thành phẩm	16.115.975.862	3.302.344.772
Hàng gửi đi bán	-	1.514.192
Cộng giá gốc hàng tồn kho	36.746.144.217	26.969.061.817
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(496.204.166)	(871.644.861)
- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	36.249.940.051	26.097.416.956

4. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tạm ứng	249.747.430	216.534.666
Ký quỹ, ký cược	828.808.200	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	332.042.517	221.123.670
Cộng	1.410.598.147	437.658.336

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHUÔNG DƯƠNG
606 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư đầu năm	4.492.345.486	38.613.521.391	3.233.105.117	610.444.561	46.949.416.555
Số tăng trong năm	-	308.545.000	-	113.754.042	422.299.042
- Mua sắm mới	-	308.545.000	-	113.754.042	422.299.042
Số giảm trong năm	-	144.756.090	396.038.033	13.982.186	554.776.309
- Thanh lý, nhượng bán	-	58.756.090	396.038.033	13.982.186	468.776.309
- Giảm khác	-	86.000.000	-	-	86.000.000
Số dư cuối năm	4.492.345.486	38.777.310.301	2.837.067.084	710.216.417	46.816.939.288
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư đầu năm	3.035.927.411	33.979.716.659	2.274.208.300	536.788.287	39.826.640.657
Khấu hao trong năm	178.377.869	1.391.916.281	284.739.428	82.795.125	1.937.828.703
Số giảm trong năm	-	59.575.137	396.038.033	13.982.186	469.595.356
- Thanh lý, nhượng bán	-	58.756.090	396.038.033	13.982.186	468.776.309
- Giảm khác	-	819.047	-	-	819.047
Số dư cuối năm	3.214.305.280	35.312.057.803	2.162.909.695	605.601.226	41.294.874.004
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày đầu năm	1.456.418.075	4.633.804.732	958.896.817	73.656.274	7.122.775.898
Tại ngày cuối năm	1.278.040.206	3.465.252.498	674.157.389	104.615.191	5.522.065.284

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 33.504.823.712 đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND
Phần mềm máy tính

Nguyên giá

Số dư đầu năm	145.688.400
Số tăng trong năm	118.000.000
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	263.688.400

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	121.578.174
Khấu hao trong năm	38.082.040
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	159.660.214

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	24.110.226
Tại ngày cuối năm	104.028.186

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	27.306.891.804	25.147.303.914
+ Quyền sử dụng đất Mỹ Phước 3	23.486.167.500	23.486.167.500
+ Quyền sử dụng đất tại Quận Tân Phú	90.909.091	90.909.091
+ Phần mềm ERP	934.218.526	766.411.000
+ Chi phí di dời nhà máy Nước Giải Khát Chương Dương	623.915.492	623.915.492
+ Chi phí xây dựng nhà văn phòng làm việc, trưng bày và giới thiệu sản phẩm tại Q.Tân Phú	2.078.681.195	179.900.831
+ Chi phí XDCB dở dang khác	93.000.000	-
Cộng	27.306.891.804	25.147.303.914

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng cổ phiếu	31/12/2011 VND	Số lượng cổ phiếu	01/01/2011 VND
Đầu tư dài hạn khác		15.890.000.000		15.890.000.000
- Đầu tư cổ phiếu		15.890.000.000		15.890.000.000
+ Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Sabeco	225.000	2.250.000.000	225.000	2.250.000.000
+ Công ty cổ phần bia NGK Sài Gòn - Tây Đô	650.000	6.500.000.000	650.000	6.500.000.000
+ Quỹ đầu tư Sabeco 1 (chứng chỉ quỹ)	7.000	7.140.000.000	7.000	7.140.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(19.817.215)		(461.267.222)
Cộng		15.870.182.785		15.428.732.778

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí bao bì chờ phân bổ	3.500.147.256	6.987.808.437
Cộng	3.500.147.256	6.987.808.437
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.091.307.151	2.680.876.055
Thuế tiêu thụ đặc biệt	50.715.328	69.748.016
Thuế xuất nhập khẩu	40.824.953	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.549.539.406	3.105.674.365
Thuế thu nhập cá nhân	17.600.000	33.956.465
Thuế tài nguyên	2.160.000	2.160.000
Các loại thuế khác	-	9.441.000
Cộng	5.752.146.838	5.901.855.901
11. Chi phí phải trả	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí bốc xếp vận chuyển	3.637.632.770	2.305.870.629
Trích trước thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	92.000.000	38.000.000
Trích trước tiền thuê đất	2.534.292.000	2.534.292.000
Trích trước chi phí hỗ trợ bán hàng, chi phí khuyến mãi	4.909.216.988	4.075.241.171
Trích trước chi phí khác	222.383.378	319.479.786
Cộng	11.395.525.136	9.272.883.586
12. Các khoản phải trả, phải nộp khác	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	194.262.424	186.372.519
Kinh phí công đoàn	-	171.444.056
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	9.442.456	9.442.456
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.143.312.000	2.351.970.400
Cổ tức phải trả	225.830.000	225.830.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.030.222	40.935.082
Cộng	2.598.877.102	2.985.994.513
13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	222.212.867	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	222.212.867	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHUÔNG DƯƠNG
606 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	<i>Đơn vị tính: VND</i> Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	85.000.000.000	(347.276.838)	218.604.499	40.841.953.321	5.259.584.047	1.026.915.832	10.738.971.349
- Lợi nhuận trong năm trước							26.108.561.024
- Trích quỹ đầu tư phát triển bổ sung năm 2009				6.522.011.029			(6.522.011.029)
- Chia cổ tức bằng tiền năm 2009							(4.238.820.000)
- Trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2010							(8.251.695.045)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển				4.680.321.849			(4.680.321.849)
+ Trích quỹ dự phòng tài chính					1.190.457.732		(1.190.457.732)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi							(2.380.915.464)
- Tạm chia cổ tức năm 2010							(8.477.640.000)
- Tăng giảm khác			24.431.775			(1.026.915.832)	
Số dư cuối năm trước	85.000.000.000	(347.276.838)	243.036.274	52.044.286.199	6.450.041.779	-	9.357.366.299
- Lợi nhuận trong năm nay							22.762.982.989
- Phân phối lợi nhuận năm 2010 (*)							(9.357.366.299)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển bổ sung năm 2010				5.118.546.299			(5.118.546.299)
+ Chia cổ tức bằng tiền năm 2010							(4.238.820.000)
- Phân phối lợi nhuận năm 2011 (*)							(5.635.192.531)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển				2.254.077.012			(2.254.077.012)
+ Trích quỹ dự phòng tài chính					1.127.038.506		(1.127.038.506)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi							(2.254.077.012)
- Tăng, giảm khác			(43.505.574)				-
Số dư cuối năm nay	85.000.000.000	(347.276.838)	199.530.700	59.416.909.510	7.577.080.285	-	17.127.790.459

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2010 và 2011 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông ngày 28/05/2011.

Cổ phiếu quỹ của công ty: Số lượng 22.360 cổ phiếu (tương đương 347.276.838 VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHUÔNG DƯƠNG

606 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(tiếp theo)**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2011	%	01/01/2011	%
	VND		VND	
Vốn góp của Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	43.350.000.000	51%	43.350.000.000	51%
Vốn góp của các cổ đông khác	41.650.000.000	49%	41.650.000.000	49%
Cộng	85.000.000.000	100%	85.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	85.000.000.000	85.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	85.000.000.000	85.000.000.000
- Cổ tức đã chia bằng tiền	4.238.820.000	12.716.460.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.500.000	8.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.500.000	8.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.500.000	8.500.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	22.360	22.360
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	22.360	22.360
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.477.640	8.477.640
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.477.640	8.477.640

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	422.811.700.504	378.400.065.308
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	422.811.700.504	378.400.065.308
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	12.165.914.110	12.554.463.921
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	11.500.685.227	11.590.154.769
Hàng bán bị trả lại	-	26.135.040
Thuế tiêu thụ đặc biệt	665.228.883	938.174.112
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	410.645.786.394	365.845.601.387
Trong đó:		
Doanh thu thuần bán hàng	410.645.786.394	365.845.601.387

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(tiếp theo)

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	328.035.287.226	281.327.284.976
Dự phòng, hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(375.440.695)	73.497.900
Cộng	327.659.846.531	281.400.782.876

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.424.685.747	7.235.291.006
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.466.289.402	1.764.897.407
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	251.857.257	59.280.704
Cộng	12.142.832.406	9.059.469.117

6. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.952.287.320	894.119.072
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(441.450.007)	(1.527.522.373)
Chi phí tài chính khác	-	10.800.000
Cộng	1.510.837.313	(622.603.301)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Theo Công văn số 11924 TC-CST ngày 20/10/2004 của Bộ Tài Chính về việc ưu đãi thuế TNDN đối với tổ chức niêm yết chứng khoán và Thông báo số 1257/CT-TKN ngày 01/02/2007 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do niêm yết chứng khoán. Công ty được giảm 50% thuế TNDN trong 2 năm liên tục kể từ khi kết thúc thời hạn miễn, giảm thuế TNDN theo quy định của luật thuế TNDN. Năm 2010 là năm cuối cùng công ty được giảm 50% thuế TNDN theo Công văn 11924 TC-CST ngày 20/10/2004 của Bộ Tài Chính với thuế suất 25%.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(tiếp theo)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.020.036.921	31.249.573.717
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(102.969.726)	(1.487.897.407)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	1.363.319.676	277.000.000
. <i>Lương HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành SXKD</i>	299.000.000	240.000.000
. <i>Chi phí không hợp lệ</i>	175.468.209	37.000.000
. <i>Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế khác</i>	888.851.467	
+ Các khoản điều chỉnh giảm	1.466.289.402	1.764.897.407
. <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	1.466.289.402	1.764.897.407
- Tổng lợi nhuận để tính thuế TNDN	29.917.067.195	29.761.676.310
<i>Trong đó:</i>		
+ <i>Thu nhập hoạt động SXKD được giảm 50% thuế TNDN</i>	-	18.395.251.078
+ <i>Thu nhập khác không được giảm thuế TNDN</i>	29.917.067.195	11.366.425.232
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	7.479.266.799	7.440.419.078
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	2.299.406.385
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.479.266.799	5.141.012.693

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(222.212.867)	-
Cộng	(222.212.867)	-

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.762.982.989	26.108.561.024
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.762.982.989	26.108.561.024
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.477.640	8.477.640
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.685	3.080

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	319.045.056.144	265.564.684.771
Chi phí nhân công	41.432.765.578	39.074.659.915
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.975.910.743	2.015.273.950
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.596.057.728	13.678.937.689
Chi phí bằng tiền khác	28.594.529.194	27.496.441.764
Cộng	404.644.319.387	347.829.998.089

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch chưa VAT(VND)
Tổng công ty CP Bia Rượu nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Trả cổ tức	2.167.500.000
Công ty CP Vận Tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Nhận cung cấp dịch vụ vận chuyển	5.859.263.885
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Sabeco	Bên liên quan	Nhận cổ tức	166.289.402
Công ty cổ phần bia NGK Sài Gòn - Tây Đô	Bên liên quan	Nhận cổ tức	1.300.000.000

Cho đến ngày 31/12/2011, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu /(phải trả) (VND)
Tổng công ty CP Bia Rượu nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Cổ phần bán trả chậm	(155.750.000)
Công ty CP Vận Tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Phải trả tiền cung cấp dịch vụ vận chuyển	(2.300.170.296)
Công ty cổ phần bia NGK Sài Gòn - Tây Đô	Bên liên quan	Phải thu cổ tức	1.300.000.000

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.494.099.814	690.134.058
Trong đó: Thu nhập của Tổng Giám đốc (*)	400.038.150	-
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	402.000.000	441.000.000
Cộng	1.896.099.814	1.131.134.058

(*) Năm 2010, Chủ tịch Hội đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản Trị chỉ nhận thù lao Hội đồng Quản Trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHUÔNG DƯƠNG
606 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, mua bán đồ uống, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

3. Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2011	01/01/2011	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương tiền	121.053.284.168	86.142.386.618	121.053.284.168	86.142.386.618
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.130.647.055	31.307.599.597	19.130.647.055	31.307.599.597
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	15.870.182.785	15.428.732.778	15.870.182.785	15.428.732.778
Cộng	156.054.114.008	132.878.718.993	156.054.114.008	132.878.718.993
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	37.337.878.150	24.545.814.907	37.337.878.150	24.545.814.907
Chi phí phải trả	11.395.525.136	9.272.883.586	11.395.525.136	9.272.883.586
Cộng	48.733.403.286	33.818.698.493	48.733.403.286	33.818.698.493

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn tin cậy thì giá trị hợp lý được lấy theo giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(tiếp theo)

4. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác và nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2010 và vào ngày 31/12/2011.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng).

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt kiểm toán.

Người lập biểu  Nguyễn Thị Thu Thủy	Kế toán trưởng  Đỗ Thị Thanh Loan	Quyền Tổng Giám đốc   Võ Văn Tân
--	--	---

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2012